

Số: 815/BC-VMC

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2020

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN

Năm báo cáo: 2019

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Chế tạo máy –VINACOMIN;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số thuế, mã số doanh nghiệp: 5700495999 cấp ngày 31 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 11 năm 2016; Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh;
- Vốn điều lệ: 46.973.510.000 VNĐ;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 46.973.510.000 VNĐ;
- Địa chỉ: Số 486 Đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Số điện thoại: 0203.3862319; 0203.3862401; 0203.3862875;
- Số fax: 0203.3862034;
- Website: www.chetaomay.com.vn;
- Mã cổ phiếu: CTT;
- Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN được thành lập theo Luật doanh nghiệp. Tiền thân là Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả được thành lập ngày 23/7/1968 theo Quyết định số 739 QĐ/KB2 ngày 23/7/1968 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng; Theo Thông báo số 143/TB ngày 5/5/1993 của Văn phòng Chính phủ về việc cho thành lập lại Công ty Cơ khí mỏ; Bộ Năng lượng có Quyết định số: 468 NL/TCCB-LĐ ngày 30/6/1993 về việc thành lập lại Nhà máy Cơ khí Trung tâm Cẩm Phả thuộc Công ty Cơ khí mỏ.

Sau khi sáp nhập trở lại Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 28/2001/QĐ-BCN ngày 23/5/2001 của Bộ Công nghiệp. Ngày 12/5/2004 Công ty được đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Chế tạo máy Than Việt Nam

Công ty được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 3675/QĐ-BCN Ngày 18/12/2006 Bộ Công nghiệp. Công ty đã Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty vào ngày 28/2/2008 và được cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp chính thức đi vào hoạt động từ 3/2008.

#### 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Chế tạo, sửa chữa, phục hồi các thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành khai thác mỏ và các ngành kinh tế khác.

- Sản phẩm/dịch vụ chính: Hiện nay Công ty đang cung cấp các dịch vụ sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
2	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
3	Sản xuất thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
4	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
5	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
6	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7	Sửa chữa thiết bị điện	3314
8	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải(trừ ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác)	3315
9	Sửa chữa thiết bị khác	3319
10	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
11	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
12	Đúc sắt, thép	2431
13	Đúc kim loại màu	2432
14	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
16	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
17	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
18	Sản xuất nồi hơi( trừ nồi hơi trung tâm)	2513
19	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
20	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
21	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
22	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
23	Xây dựng công trình công ích	4220
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
25	Phá dỡ	4311
26	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27	Sản xuất khác chưa phân vào đâu	3290
28	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa phân vào đâu	3099
29	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và to axe	3020
30	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659



STT	Tên ngành	Mã ngành
31	Bán buôn thực phẩm - Bán buôn thủy sản - Bán buôn thực phẩm khác	4632
32	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan - Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp - Thiết kế cơ điện công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp - Thiết kế cơ khí công trình xây dựng	7110
33	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Bao gồm

\* **Đại hội đồng cổ đông:** ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

\* **Hội đồng quản trị:** HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của ĐHĐCĐ quy định.

Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Tất cả các thành viên HĐQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Công ty.

\* **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên có nhiệm vụ thay mặt cổ đông giám sát hoạt động của Công ty về mọi mặt nhằm mục đích bảo vệ quyền lợi của cổ đông và đảm bảo mọi hoạt động của công ty hoàn toàn tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm soát hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ĐHĐCĐ.

Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

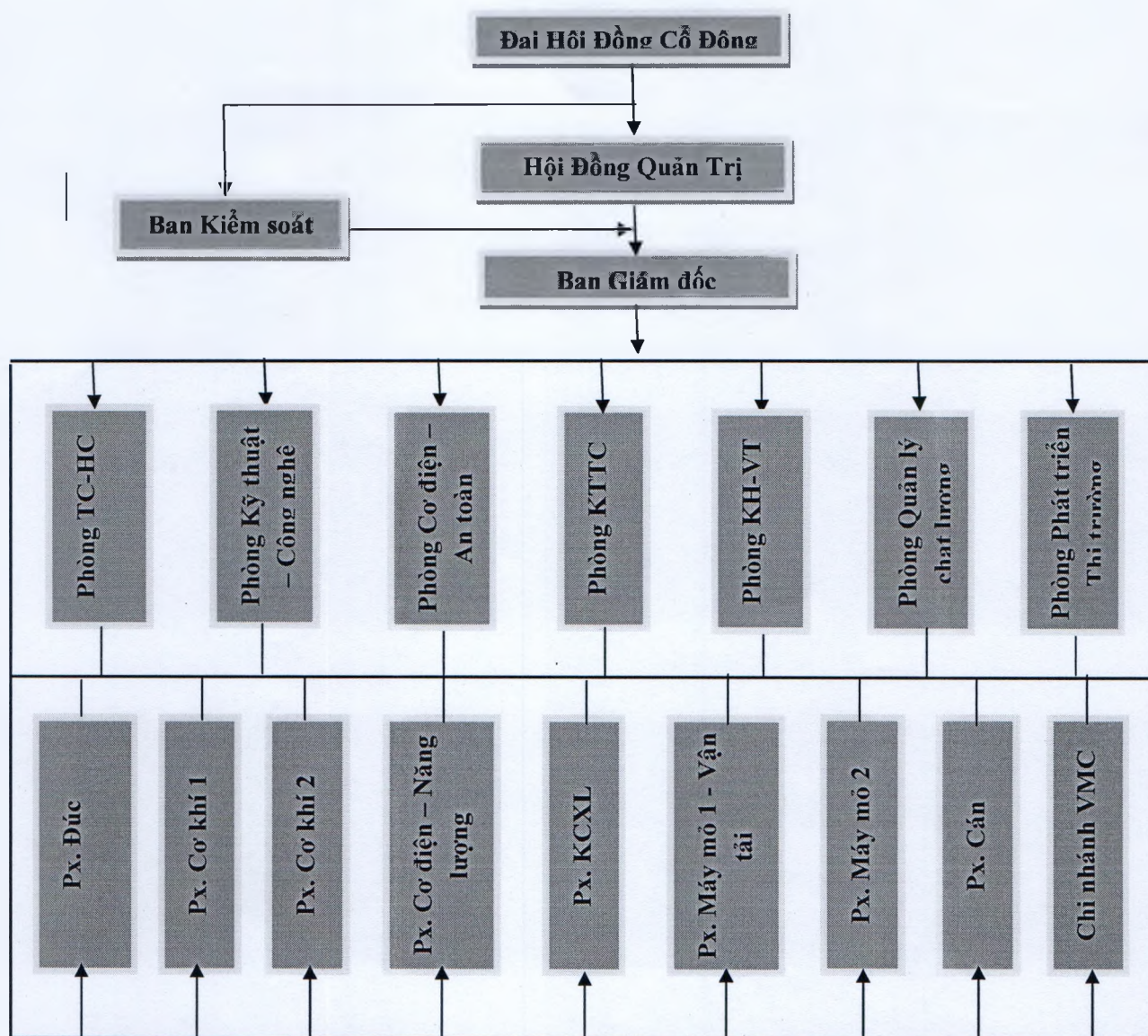
\* **Ban Giám đốc:** Ban Giám đốc gồm Giám đốc, 03 Phó Giám đốc và 01 kế toán trưởng. Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty do HĐQT Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Phó Giám đốc là người trợ giúp, tham mưu, tư vấn cho Giám đốc theo các chức năng nhiệm vụ được phân công.



## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY (Tại thời điểm 31/12/2019)



Nguyên tắc, mối quan hệ giải quyết công việc và phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc được quy định theo Quyết định số 3145/QĐ-VMC ngày 26/10/2018 của Giám đốc Công ty.

Tên gọi, chức năng nhiệm vụ các phòng ban, phân xưởng được quy định cụ thể theo Quyết định số 2896/QĐ-VMC ngày 02/10/2018 của Giám đốc Công ty.

Các công ty con, công ty liên kết: Chi nhánh Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN tại Hà Nội được quy định theo quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định.

\* Chi nhánh của Công ty tại Hà Nội

a. Tên chi nhánh: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY – VINACOMIN;

Địa chỉ chi nhánh: Số 93 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0435144128

Fax: 0203382516

Ngành nghề kinh doanh:

*Nguyen*



STT	Tên ngành	Mã ngành( theo phân ngành kinh tế quốc dân)
1	Chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị và phụ tùng cho các ngành khai thác khoáng sản, năng lượng và các ngành khác;	2924: (29241; 292411; 292412; ) 29242; 2913
2	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm đúc, cán kéo thép, kết cấu kim loại, khí ô xy-ni tơ;	28: (281; 2811; 28112; 281123; 281124; 28113-281130); 2812: ( 281121; 281129; ); 2813 ; 289: ( 2891; 28911-289110; 28912; 2892; 28921-289210;241128;241129, 2711-2720
3	Kinh doanh ống thép áp lực, thiết bị áp lực cao	269521; 2919;
4	Chế tạo phụ tùng và sửa chữa phương tiện vận tải thủy;	35112-351120; 352-3520
5	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và ống bê tông chịu áp lực cao;	269521; 5234; 5143
6	Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp và dân dụng, san lấp, tôn tạo mặt bằng;	45: (451-4510; 45112-451110; ) ; 452; 4523; 453-4530
7	Mua bán , xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hoá, đại lý;	511-5110: (5112-5120; 51131-511310); 5142; 5239; 51454; 5149; 5239; 524-5240; 515: 5155150

#### 4. Định hướng phát triển

Chiến lược phát triển trung và dài hạn: theo định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về đầu tư, quản trị lao động, sản xuất kinh doanh, Công ty xây dựng Chiến lược phát triển giai đoạn 2018-2025 tầm nhìn 2035; Bảo đảm sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty bằng việc đẩy mạnh sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao uy tín thương hiệu, mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu, tăng lợi tức cho cổ đông, đóng góp ngân sách Nhà nước; Công ty phát triển theo hướng: hiện đại hoá cơ khí sửa chữa, tăng cường đẩy mạnh cơ khí chế tạo tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức sản xuất, thực hiện Đề án tái cơ cấu lại Công ty; nâng cao năng lực sản xuất, bảo đảm chất lượng, tiến độ cung cấp sản phẩm đã cam kết với khách hàng; từng bước củng cố và nâng cao sức cạnh tranh của Công ty trên thị trường; ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động và góp phần an sinh xã hội.

## CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU KẾ HOẠCH TRONG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2018-2025

Chỉ tiêu \ Năm	KH 2018	KH 2019	KH 2020	KH 2021	KH 2022	KH 2023	KH 2024	KH 2025
Doanh thu (tỷ đồng)	1.130	1.232	1.300	1.380	1.460	1.500	1.550	1.600
Tỷ lệ % (so với năm trước)	107	108	106	106	106	103	103	103
Lợi nhuận (tỷ đồng)	8,4	9	9,5	9,9	10,4	11	11,5	12
Lao động (người)	936	861	860	860	860	860	860	860
Thu nhập b/q (Tr.đ/ng/th)	7.254	7.545	7.700	8.000	8.245	8.500	8.500	8.500

Đảm bảo môi trường: Thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật BVMT; kiểm soát chất thải từ quá trình sản xuất không để phát tán ra môi trường, quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường. Đặc biệt quan tâm đến việc xử lý nước thải sau mạ, khí thải tại phân xưởng Cán thép, phân xưởng Đúc, bụi từ công nghệ phun cát làm sạch chi tiết... Tiếp tục thực hiện các biện pháp cải thiện môi trường lao động, môi trường cảnh quan trong Công ty. Thực hiện cải tạo hệ thống nhà xưởng, đầu tư thiết bị công nghệ mới thay thế thiết bị cũ đã lạc hậu....

### 5. Các rủi ro:

Là đơn vị chuyên sản xuất, cung cấp dây chuyền, thiết bị phục vụ cho sản xuất khai thác mỏ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty cũng chịu ảnh hưởng từ biến động của hoạt động khai thác, chế biến, tiêu thụ than, khoáng sản cũng như hoạt động chung của Tập đoàn. Nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán, biến động của giá sắt thép và các phụ tùng liên quan sẽ gây biến động lớn trong chi phí đầu vào của Công ty. Mặt khác phương tiện, thiết bị phần lớn đã lạc hậu, xuống cấp; nguồn nhân lực tại một số thời điểm chưa đáp ứng được yêu cầu nên khi triển khai các dự án công trình lớn gặp khó khăn. Thị trường của Công ty phụ thuộc lớn vào kế hoạch đầu tư, số lượng sửa chữa, trung tu thiết bị của các đơn vị trong ngành, trong khi đó số lượng doanh nghiệp tham gia kinh doanh trong lĩnh vực này ngày càng nhiều đem lại sự cạnh tranh gay gắt trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ, giá thành sản phẩm và lợi nhuận. Do đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có giải pháp hợp lý để tiếp cận thị trường, duy trì và gia tăng thị trường tiêu thụ nhưng đồng thời vẫn phải đảm bảo được chất lượng, tiến độ sản phẩm và sự phát triển bền vững của Công ty.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong bối cảnh chung trên toàn quốc, kinh tế đất nước có sự tăng trưởng cao, đối với ngành than gặp nhiều thuận lợi tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh của Công ty, tuy nhiên trong tình hình tài chính chung của ngành, tài chính của Công ty gặp khó khăn, công nợ còn cao. Bên cạnh đó Công ty tiếp tục gặp những khó khăn đã tồn tại từ những năm qua đó là: Lực lượng lao động



lành nghề giảm sút, phần lớn máy móc thiết bị đã sử dụng lâu năm, độ chính xác kém, năng suất thấp; thị trường các sản phẩm cơ khí trong và ngoài ngành vẫn diễn ra cạnh tranh gay gắt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty còn chưa cao.

Trong năm 2019, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Nghị quyết và các các mục tiêu, kế hoạch SXKD của Công ty. Hội đồng quản trị đã rà soát, hiệu chỉnh ban hành các quy chế mới để phù hợp với các quy định hiện hành và phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, kịp thời nắm bắt tình hình, hàng tháng đều ra các nghị quyết để chỉ đạo bộ máy điều hành thực hiện các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn. Giám đốc điều hành Công ty đã tập trung điều hành thực hiện các phương án tìm kiếm việc làm kết hợp với tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, ban hành các Quy định, các nghị quyết, các chỉ thị, các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019, xây dựng hệ thống thang bảng lương, đơn giá định mức lao động tiền lương phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và pháp luật hiện hành,...vv, nhằm giảm thiểu chi phí quản lý Công ty năm 2019 và những năm tiếp theo.

Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và được sự phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Giám đốc điều hành, Đảng ủy công ty, các tổ chức đoàn thể quần chúng: Công đoàn, Thanh niên, Hội cựu chiến binh tạo ra sức mạnh tổng hợp, nhất trí trong hệ thống chính trị, tạo ra niềm tin của người lao động, giữ vững khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ Công ty tập trung cho việc thực hiện tốt các chỉ tiêu về sản xuất và đời sống, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CB, CN, người lao động Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt bậc toàn diện các mục tiêu; Duy trì sản xuất, bảo toàn đội ngũ và giữ vững ổn định đời sống của người lao động. Thực hiện vượt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra, vốn của các cổ đông được bảo toàn. Cụ thể kết quả như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2018	KH Đại hội cổ đông 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	
						So với TH 2018	So với KH ĐHCĐ 2019
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.485.314	1.285.000	1.501.301	101	117
2	Tổng giá trị sản xuất	Tr.đ	504.147	413.200	525.066	104	127
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	9.898	9.000	14.219	144	149
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	7.902		7.012	89	
5	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn CSH	%	13,42		11,95	89	
6	Tỷ suất lợi nhuận thực hiện sau thuế/Vốn Điều lệ	%	16,82		14,9	89	
7	Nợ ngắn hạn	Tr.đ	533.732		413.660	78	
	- Trong đó: Vay và nợ ngắn hạn.		176.229		174.405	99	
8	Nợ dài hạn	Tr.đ	22.238		23.929	108	
	- Trong đó: Vay và nợ dài hạn.		18.065		20.320	112	

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Thực hiện 2018	KH Đại hội cổ đông 2019	Thực hiện năm 2019	Tỷ lệ %	
						So với TH 2018	So với KH ĐHCĐ 2019
1	2	3	4	5	7	7/4	7/5
9	Hệ số khả năng thanh toán nợ đến hạn (=TSNH/NNH)		0,77		0,71	92	
10	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đ	94.105	78.778	98.707	105	125
11	Lao động bình quân trong danh sách	Ng	882	860	860	98	100
12	Thu nhập b/q theo LĐ trong danh sách	Tr.đ/ng/t h	8,891	7,634	9,564	108	125
13	Cổ tức	%	10	9	10	100	111

## 2. Tổ chức và nhân sự

\* Danh sách Ban Điều hành tại thời điểm 31/12/2019:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty	Đại diện phân vốn TKV	
2	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	14.107	
3	Lê Viết Sự	Thành viên HĐQT – PGĐ Công ty	11.662	
4	Tăng Bá Khang	PGĐ Công ty	9.911	
5	Phạm Thu Hương	Kế toán trưởng Công ty	22.594	

\* Số lượng CB, CN, NLĐ trong Công ty tại thời điểm 31/12/2019 là 786 người bao gồm:

- Trình độ Thạc sỹ : 10 người;
- Trình độ Đại học : 137 người;
- Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp: 12 người;
- Công nhân kỹ thuật: 627 người;

\* Chính sách đối với người lao động:

- Chính sách tuyển dụng

Để đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty ổn định và phát triển bền vững, hàng năm Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng và đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thông qua việc tuyển dụng bổ sung và đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, CN kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ hàng năm và hàng kỳ, đồng thời sắp xếp bố trí lao động linh hoạt, làm việc ở các vị trí hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng lao động. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi nhất để người lao động phát huy được năng lực, trí tuệ của mình trong công tác, trong học tập, nghiên cứu, quản lý để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

- Chính sách đào tạo: Các chính sách về đào tạo hàng năm luôn được Công ty chú trọng; Các khóa đào tạo về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ theo định kỳ hàng năm cho 100% công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ quản lý các cấp, nhân viên phục vụ ở các lĩnh vực liên quan luôn được Công ty thực hiện đầy đủ. Bên cạnh đó, Công ty cũng



cử các cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc ở tất cả các bộ môn quản lý có liên quan như: Công tác quản lý lao động tiền lương, nghiệp vụ văn phòng, thị trường, Tài chính Kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, công nghệ môi trường, an toàn lao động... Đối với các lao động trực tiếp, Công ty đào tạo nâng cao kiến thức lý thuyết và tay nghề và tổ chức thi nâng bậc lương hàng năm.

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo chính sách đãi ngộ cho CB, CN, NLD công khai, công bằng, chính sách lương, thưởng gắn liền với hiệu quả công việc nhằm tạo động lực để CB, CN, người lao động sáng tạo trong công việc, gắn bó lâu dài với Công ty, nâng cao tinh thần trách nhiệm và tạo tinh thần thi đua học hỏi; đa dạng hóa hình thức đãi ngộ và mở rộng đối tượng đãi ngộ liên quan đến các nhân viên có chuyên môn giỏi, trình độ cao. Bên cạnh đó, Công ty còn trích quỹ tiền lương khuyến khích, quỹ khen thưởng để thưởng cho CB, CN, NLD vào các ngày Lễ, Tết, các ngày kỷ niệm truyền thống của Công ty, ngành. Công ty luôn quan tâm chú trọng đến hoạt động của các tổ chức đoàn thể đã tạo điều kiện cho CB, CN, NLD trong Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe.

- Chính sách cổ tức: Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ; Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới; Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 9%/ năm.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

Công ty đã thực hiện công tác đầu tư xây dựng theo đúng kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và quy chế quản lý đầu tư và xây dựng của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành.

Giá trị thực hiện năm 2019 đạt: 29.463 / 30.636 triệu đồng, tương ứng đạt 96% kế hoạch, trong đó:

- Chi phí thiết bị: 29.297/30.246 triệu đồng, đạt 97% kế hoạch năm;
- Chi phí xây lắp: 0 đồng;
- Chi phí khác: 166/390 triệu đồng, đạt 43% kế hoạch năm;

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát các nội dung yêu cầu, quy định của pháp luật; hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn TKV. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định.

Các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, các thiết bị đầu tư đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; mở rộng quy mô sản xuất, cải thiện điều kiện môi trường làm việc; nâng cao mức độ tự động hóa, đồng bộ hóa các thiết bị trong dây chuyền sản xuất và đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

### **4. Tình hình tài chính**

a. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	614.872.332.243	496.225.211.028	
Doanh thu thuần	1.484.811.904.998	1.500.800.243.862	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.590.415.278	31.079.459.904	
Lợi nhuận khác	307.694.290	-16.859.999.257	
Lợi nhuận trước thuế	9.898.109.568	14.219.460.647	
Lợi nhuận sau thuế	7.902.471.820	7.012.269.647	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: ( <i>TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn</i> )	77,8	71,3	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [( <i>TS ngắn hạn - HTK</i> )/ <i>Tổng nợ ngắn hạn</i> ]	56,8	49,5	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,9	0,88	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,43	7,46	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
- Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	7,01	13,4	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,41	3,02	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,53	0,46	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,4	11,9	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1,3	1,4	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,64	2,07	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

- Tổng số CP đang lưu hành: 4.697.351 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần

- Loại cổ phần: Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

b. Cơ cấu cổ đông:



TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226, Đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	1.925.100	40,98
2	Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo máy	486 Đường Trần Phú, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	70.466	1,5
3	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Hải Đăng	Tầng 5, tòa nhà Eurowindow Multicomplex - Số 27 Trần Duy Hưng - phường Trung Hòa - quận Cầu Giấy - TP Hà Nội	358.000	7,62
4	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Số 22 Đường Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	72.271	1,53
5	Công ty CP Chứng khoán FPT	Số 52, Đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội	30	0,00063
5	Cổ đông là cá nhân		2.284.499	48,63
<b>Tổng số</b>			<b>4.697.351</b>	<b>100</b>

- Danh sách cổ đông lớn:

TT	Tên cổ đông lớn	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	226, Đường Lê Duẩn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	1.925.100	40,98
2	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Xuất nhập khẩu Hải Đăng	Tầng 5, tòa nhà Eurowindow Multicomplex - Số 27 Trần Duy Hưng - phường Trung Hòa - quận Cầu Giấy - TP Hà Nội	358.000	7,62

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Trong năm 2019 Công ty không phát hành chứng khoán .

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng giá trị nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty trong năm 2019: 1.198.824 triệu đồng

b) Tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty: 7.006/1.198.824 triệu đồng, đạt 0,6%.

6.2. Tiêu thụ năng lượng (tình hình tiêu thụ điện năng)

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Sản lượng điện tiêu thụ toàn Công ty 2019: 11.296.430 kWh

- Sản lượng điện tiêu thụ cho sản xuất: 11.106.118 kWh

- Sản lượng điện tiêu thụ cho sinh hoạt: 190.312 kWh

b) Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Thay hệ thống đèn chiếu sáng từ bóng đèn sợi đốt và bóng halogen cao áp (250 W và 500 W) bằng đèn LED 150W: 210 kWh/năm;
- Sử dụng phụ tải công suất lớn vào giờ thấp điểm: 100 kWh;
- Áp dụng đưa các công nghệ tiên tiến vào điều khiển các thiết bị, động cơ có công suất lớn như: Biến tần, packer, khởi động mềm,... và thay thế dần thiết bị ứng dụng công nghệ tiên tiến đối với các thiết bị có công nghệ cũ, kỹ thuật lạc hậu: 360 kWh/năm;
- Tổng năng lượng tiết kiệm năm 2019: 670 kWh/năm.

### 6.3. Tình hình tiêu thụ nước năm 2019

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước mua: 116.462 m<sup>3</sup>

- Nước tuần hoàn: 430.559 m<sup>3</sup>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng .

- Tổng lượng nước sử dụng: 547.021 m<sup>3</sup>

- Tỷ lệ % nước tái chế sử dụng: 78,7%

### 6.4. Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

- Công tác bảo vệ môi trường trên mặt bằng sản xuất và tại các địa điểm thi công của Công ty được thực hiện một cách nghiêm túc theo quy định của Pháp luật, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân trên địa bàn. Cụ thể gồm:

+ Đề án bảo vệ môi trường của Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 32/QĐ-TNMT ngày 22/01/2009;

+ Giấy phép xả thải số 404/GP-TNMT ngày 16/9/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp;

+ Giấy xác nhận việc hoàn thành các công trình BVMT số 2347/MT-TNMT ngày 20/10/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh xác nhận việc Công ty đã hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong đề án Bảo vệ môi trường của Công ty và giấy xác nhận bổ sung các công trình bảo vệ môi trường số 1445/GXN-TNMT ngày 22/5/2014;

+ Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại có mã số quản lý chất thải nguy hại số 22.000.091.T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh cấp;

+ Định kỳ Công ty thuê các đơn vị có chức năng tổ chức thực hiện quan trắc môi trường tổng thể theo Đề án Bảo vệ môi trường và giấy phép xả thải của Công ty đã được phê duyệt.

- Nhờ tuân thủ các quy định về môi trường nên trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty không vi phạm và không bị xử phạt về vi phạm môi trường.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân trong năm 2019: 860 người, mức lương thu nhập bình quân đạt 9.556.000 đồng/người/tháng.



b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

Công ty đã chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định phù hợp với quy định hiện hành.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

Đảm bảo các chế độ cho người lao động: khám chữa bệnh định kỳ, ốm đau, thai sản, điều dưỡng, bồi dưỡng độc hại, bồi dưỡng ca 3 cho các đối tượng theo đúng quy định của BHXH và quy định của Công ty; đảm bảo chất lượng, định lượng bữa ăn công nghiệp cho người lao động.

Tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ quần chúng nội bộ Công ty và tham gia với Tập đoàn, địa phương. Tổ chức cho CB, CN, NLĐ tham quan học tập kinh nghiệm để nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Để phát triển nguồn nhân lực Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN đã tập trung vào việc xây dựng kế hoạch đào tạo với những nội dung chính như sau:

- Thực hiện kế hoạch hóa nguồn nhân lực bằng quá trình đánh giá, xác định nhu cầu về nguồn nhân lực để đáp ứng mục tiêu thực hiện các nhiệm vụ SXKD của Công ty hàng năm từ đó xây dựng các kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho Công ty.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực ngắn hạn: hàng năm căn cứ kế hoạch SXKD được Đại hội đồng cổ đông thông qua, kế hoạch phối hợp kinh doanh với Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch thực hiện của một năm hay một chu kỳ sản xuất để tổ chức tự đào tạo hoặc phối hợp cùng các cơ sở đào tạo để thực hiện các công tác đào tạo, tuyển dụng nhân lực.

- Thực hiện kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực dài hạn: Trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty, của Tập đoàn TKV, xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Công ty xây dựng mục tiêu kế hoạch đào tạo của từng giai đoạn trong chiến lược hoặc một chu kỳ sản xuất nhằm đáp ứng cho chiến lược thực hiện nhiệm vụ SXKD, phát triển Công ty trong các giai đoạn với số lao động cần có trong tương lai để Công ty có nguồn nhân lực dự phòng phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty

- Phối hợp cùng các trường Cao đẳng: Cao đẳng nghề Công thương Thái nguyên, Cao đẳng nghề Công nghiệp Cẩm phả, Cao đẳng nghề Than – Khoáng sản thực hiện tuyển dụng đào tạo mới, đào tạo lại bổ sung, chuyển đổi nghề cho lao động, mở các lớp và thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề cho công nhân.

- Phối hợp cùng Trường Quản trị kinh doanh – VINACOMIN thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên.

- Số giờ đào tạo trung bình năm:

TT	Nội dung học	Số giờ học (h)	Kinh phí (Tr. Đồng)	Nơi đào tạo	Ghi chú
1	Bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ, chuyên môn nghiệp vụ	2.544	317,86	Trường Đại học, Cao đẳng, Quản trị kinh doanh.	
2	Bồi dưỡng nâng cao trình độ công nhân kỹ thuật	2.191	377,07	Tại Công ty và các cơ sở đào tạo	
	Cộng (1+2)	4.735	694,93		

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh phát triển sản xuất kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, Công ty còn thực hiện tốt công tác xã hội, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo từ thiện. Trong năm 2019, Công ty tham gia nhiều hoạt động xã hội như: Hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, thường xuyên ủng hộ các quỹ, các tổ chức nhân đạo từ thiện, thăm hỏi tặng quà cho các gia đình CB, CN, người lao động có hoàn cảnh khó khăn...

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2019, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các Nghị quyết của HĐQT cùng với sự phối hợp lãnh đạo sâu sát của Ban chấp hành Đảng uỷ, sự phối hợp của các đoàn thể Công đoàn, Thanh niên, Cựu chiến binh, với truyền thống đoàn kết, kỷ luật, lao động sáng tạo vượt qua khó khăn của CB, CN, người lao động Công ty, sự quan tâm ủng hộ của các Cổ đông, bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp linh hoạt để khắc phục khó khăn, tập trung điều hành thực hiện các phương án tìm kiếm việc làm kết hợp với tăng cường các mặt quản lý, đặc biệt là triển khai kịp thời hàng loạt các biện pháp tiết kiệm chi phí, rà soát, hiệu chỉnh ban hành các Quy chế, quy định phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, cấp trên. Tuy nhiên trong năm 2019 sự cạnh tranh về việc làm giữa các đơn vị Cơ khí trong ngành và ngoài ngành ngày càng gay gắt và quyết liệt, trong lúc đó khả năng cạnh tranh của Công ty chưa cao.

Thực hiện chủ trương chung của Hội đồng quản trị, BGD điều hành đã phát huy thế mạnh, tìm các giải pháp để khắc phục khó khăn nhằm giữ vững sản xuất, ổn định đời sống người lao động. Năm 2019, Công ty đã chủ động, tích cực ban hành và thực hiện các giải pháp chủ yếu điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD trong năm, do đó đã thực hiện đạt doanh thu kỷ lục 1.501 tỷ đồng, vượt 17% theo KH, các chỉ tiêu khác đều đạt và vượt kế hoạch. Kết quả thực hiện cả năm đạt tốt, đồng đều các chỉ tiêu, đã ổn định việc làm cho người lao động, thu nhập bình quân thực tế đạt trên 9,5 triệu đồng/người/tháng. Công ty cũng triển khai toàn diện các mặt sản xuất, công tác, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc và thu nhập cho người lao động.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Triển khai và ứng dụng văn phòng điện tử, quản lý vật tư; phần mềm kế toán.

+ Sắp xếp tinh giảm và hoạt động ổn định bộ máy quản lý sản xuất: 07 phòng, 08 Phân xưởng, 01 Chi nhánh.



+ Xây dựng quy chế, quy định về lượng hóa được công tác quản lý cán bộ.

+ Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác...

+ Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

## 2. Tình hình tài chính

### a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2019	Thời điểm 31/12/2018
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>496.225.211.028</b>	<b>614.872.332.243</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>294.947.021.784</b>	<b>415.499.647.321</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.876.134.347	2.408.347.150
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
3	Các khoản phải thu	193.745.980.829	294.739.759.110
4	Hàng tồn kho	90.331.667.434	112.141.623.233
5	Tài sản ngắn hạn khác	7.993.239.174	6.209.917.828
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>201.278.189.244</b>	<b>199.372.684.922</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	188.685.507.942	189.801.328.133
3	Bất động sản đầu tư		
4	Tài sản dở dang dài hạn		
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
6	Tài sản dài hạn khác	12.592.681.302	9.571.356.789
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>496.225.211.028</b>	<b>614.872.332.243</b>
<b>I</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>437.589.487.343</b>	<b>555.971.406.385</b>
1	Nợ ngắn hạn	413.660.307.016	533.732.801.231
2	Nợ dài hạn	23.929.180.327	22.238.605.154
<b>II</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>58.635.723.685</b>	<b>58.900.925.858</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	46.973.510.000	46.973.510.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	2.288.730.519	2.288.730.519
3	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
4	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	625.000.000	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.748.483.166	9.638.685.339
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		

### b. Tình hình nợ phải trả

Thực hiện chủ trương của HĐQT Công ty và để duy trì uy tín trên thị trường, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Riêng với nghĩa vụ tài chính, hiện tại Công ty không có các khoản nợ, khoản thuế và các khoản phải nộp nhà nước nào quá hạn phải trả.

Bảng kê chi tiết các khoản phải trả

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2017	Thời điểm 31/12/2018
<b>I - Nợ ngắn hạn</b>	<b>413.660.307.016</b>	<b>533.732.801.231</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	187.526.461.310	310.716.183.862
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	8.148.988.994	6.757.910.542
3. Thuế và các khoản nộp Nhà nước	2.374.197.718	690.061.949
4. Phải trả người lao động	24.118.318.749	23.861.499.176
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	220.629.460	4.800.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		1.292.500
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
9. Phải trả ngắn hạn khác	1.009.938.779	1.790.539.307
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	174.405.549.451	176.229.690.934
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	15.343.188.099	12.752.159.325
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	513.034.456	928.663.636
13. Quỹ bình ôn giá		
<b>II - Nợ dài hạn</b>	<b>23.929.180.327</b>	<b>22.238.605.154</b>
1. Phải trả người bán dài hạn		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		
3. Chi phí phải trả dài hạn		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		
5. Phải trả nội bộ dài hạn		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
7. Phải trả dài hạn khác		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.320.338.652	18.065.258.000
9. Trái phiếu chuyển đổi		
10. Cổ phiếu ưu đãi		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	2.808.841.675	3.373.347.154
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	800.000.000	800.000.000

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Triển khai và ứng dụng văn phòng điện tử, quản lý vật tư; phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự...

Sắp xếp tinh giảm bộ máy quản lý sản xuất theo chương trình tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2018-2025 có tầm nhìn đến 2035, trong năm 2019 đã sắp xếp các bộ phận phục vụ sản xuất khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất tại 02 Phân xưởng trong Công ty.

Sắp xếp lại mặt bằng công nghệ của các đơn vị sản xuất trực tiếp đảm bảo tính khoa học, hợp lý của chu trình sản xuất theo thực tế và chiến lược của Công ty.

Chú trọng quan tâm công tác quản trị sản xuất, quản trị chi phí, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất bằng cách áp dụng các phần mềm quản lý; xây dựng kế hoạch sản xuất một cách khoa học linh hoạt; nâng cao chất lượng công tác định mức kinh tế kỹ thuật; tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí khác.

Luân chuyển vốn hợp lý để tiết giảm chi phí tài chính; Quy hoạch và đào tạo cán bộ, công nhân phù hợp với từng vị trí công việc; Phát huy sáng kiến cải



tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất để tăng hiệu quả trong sản xuất, tăng cường quảng bá hình ảnh của Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN.

#### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Phát huy nội lực, ổn định và giữ vững các sản phẩm truyền thống; Tiếp tục phát triển cơ khí chế tạo, hiện đại hóa cơ khí sửa chữa, đổi mới công nghệ dần tiến tới công nghệ 4.0, đổi mới chất lượng lao động để tăng năng suất lao động. Chuyển hướng mạnh sang phục vụ cơ khí hóa khai thác than hầm lò, đẩy mạnh hợp tác toàn diện, liên doanh liên kết với các đơn vị trong và ngoài ngành, trong nước và quốc tế để sản xuất các sản phẩm cơ khí chủ lực phục vụ ngành Than, Điện, Xi măng góp phần hội nhập kinh tế quốc tế của VMC.

#### 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán: Không IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

##### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đã nhận thức đúng đắn các thuận lợi và khó khăn trong kinh doanh, đưa ra những quyết sách đúng theo từng thời điểm, tình hình cụ thể, tận dụng tối đa lợi thế trong thực hiện Hợp đồng phối hợp kinh doanh trong nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Chủ động áp dụng kịp thời các biện pháp tìm kiếm, tạo việc làm, áp dụng đồng bộ các giải pháp về quản lý. Hội đồng quản trị Công ty đã phân công công việc cụ thể ở từng nội dung, lĩnh vực công tác cho các thành viên, phối hợp giữa các lĩnh vực chặt chẽ, chỉ đạo sâu sát của các thành viên với ban Giám đốc Công ty.

\* Về kết quả sản xuất kinh doanh: Kết quả sản xuất kinh doanh đạt vượt mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Vốn của cổ đông được bảo toàn, bảo đảm chỉ tiêu lợi nhuận, ổn định đời sống người lao động. Cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	KH 2019	TH năm 2019	TH năm 2018	So KH 2019 (%)	So cùng kỳ 2018(%)
1	Doanh thu	tr.đ	1.285.000	1.501.301	1.485.312	117	101
2	Giá trị sản xuất	tr.đ	413.200	525.066	497.933	127	104
3	Tiền lương	tr.đ	78.778	98.707	94.191	125	104
4	Lao động bình quân	Người	860	860	882	100	98
5	Lợi nhuận	tr.đ	9.000	14.219	9.898	149	141

##### \* Về sử dụng vốn và hoạt động tài chính

Tình hình quản lý và sử dụng vốn: Công ty đã bảo toàn được vốn của các cổ đông, tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất. Trong năm 2019, tình hình tài chính gặp nhiều khó khăn song công ty vẫn bảo đảm được tài chính phục vụ sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế với Nhà nước, thực hiện tốt quy định về nộp BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...Thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định.

Các mặt hoạt động của Công ty như: Điều hành sản xuất, Quản lý kỹ thuật, Chất lượng sản phẩm, Vật tư, An toàn bảo hộ lao động, Đầu tư xây dựng

cũng như các mặt quản lý Tài chính, Lao động tiền lương, Quản trị chi phí sản xuất, v.v, nhìn chung đã đạt được yêu cầu đề ra.

*\* Về công tác Tổ chức cán bộ:*

- Về công tác tổ chức, cán bộ:

+ Đã có nhiều nghị quyết chuyên đề về công tác tổ chức cán bộ: xây dựng, phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ kế cận, hàng năm đều có rà soát, bổ sung.

+ Ban hành các Quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành Công ty và các quy chế thường xuyên được rà soát hoàn thiện, trong năm đã bổ sung chỉnh sửa Quy chế quản lý cán bộ và Quy định kiểm tra, đánh giá năng lực cán bộ.

- Về công tác phát triển nguồn nhân lực: Từ mục tiêu phát triển sản xuất kinh doanh HĐQT đã đặc biệt coi trọng nhiệm vụ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Trong năm 2019 tập trung vào các việc: Đào tạo nghề thứ 2, nghề thứ 3 và kèm cặp nâng bậc nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân, bồi dưỡng đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động. Đào tạo cập nhật kiến thức về đấu thầu, quản lý ĐTXD, nâng cao kiến thức chuyên môn cho cán bộ quản lý.

*\* Về công tác đầu tư xây dựng:*

Căn cứ kế hoạch đã được HĐQT Công ty và Tập đoàn TKV phê duyệt, Công ty đã thực hiện kế hoạch đầu tư theo đúng Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng.

Tổng số các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã thực hiện đạt 100%.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Công ty luôn bám sát nội dung yêu cầu quy định trong Luật Xây dựng; Hướng dẫn thực hiện của các cấp, các ngành, của Tập đoàn. Các dự án đầu tư đều được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được triển khai thực hiện theo luật định. Nhìn chung các dự án đầu tư của Công ty đảm bảo đúng mục đích, được đưa vào sử dụng khai thác, đáp ứng nhu cầu mở rộng phát triển sản xuất của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài ngành.

*\* Về hoạt động của Hội đồng quản trị*

Hội đồng quản trị đã duy trì các cuộc họp thường kỳ năm 2019, đã tiến hành 10 cuộc họp, các thành viên tham gia họp đầy đủ. Trong năm 2019 các thành viên HĐQT đều hoàn thành chức trách nhiệm vụ được giao, làm việc chủ động, khẩn trương, phát huy hết năng lực của mình, thực hiện đầy đủ các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, luôn đảm bảo lợi ích tối đa của các cổ đông và của Công ty. Các quyết sách lớn, chủ trương lớn, các quyết định của HĐQT ban hành đều tuân thủ theo nguyên tắc tập thể, đồng thuận và tham gia dự họp đầy đủ của các thành viên HĐQT. Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã ban hành 11 nghị quyết (từ số 123 đến 132), nội dung các nghị quyết đã bám sát tình hình thực tế SXKD của Công ty tại từng thời điểm.

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên nhiệm vụ giám sát cán bộ quản lý, yêu cầu bộ máy điều hành báo cáo thường kỳ, đột xuất và kịp thời các biến động trong SXKD để HĐQT có biện pháp xử lý kịp thời. Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và chấn chỉnh kịp thời



những thiếu sót, vi phạm...Kết quả các cán bộ quản lý đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

*\* Kết quả giám sát đối với Giám đốc*

Thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ và cụ thể hóa bằng các Nghị quyết của HĐQT, Giám đốc công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện chủ động và khẩn trương; đánh giá đúng các khó khăn trong kinh doanh; đề ra nhiều biện pháp, quyết định quản lý kịp thời, có hiệu quả trong điều hành sản xuất; xác định đúng và tập trung chỉ đạo quyết liệt các mục tiêu chiến lược: sản xuất thép cán, sản xuất vì chống lò, sản xuất cột chống thủy lực, giàn chống, giá chống thủy lực, các thiết bị cho dự án cán thép Tập đoàn Hòa Phát, dự án Nhà máy sang tuyến Khe Chàm; đẩy mạnh cơ khí chế tạo; từng bước đào tạo đội ngũ làm Tổng thầu trong đấu thầu các Dự án nhằm tạo ra các cân đối lớn và ổn định trong thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Chấp hành đúng các quy định của Pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định về báo cáo, chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn tài sản - an toàn lao động. Công ty đã thực hiện vượt mức, toàn diện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 quyết nghị.

*\* Kết quả giám sát đối với cán bộ quản lý*

Các cán bộ quản lý được HĐQT bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc và do Giám đốc công ty phân công giao nhiệm vụ giúp việc cho Giám đốc đã chấp hành nghiêm túc các nhiệm vụ do Giám đốc giao. Kịp thời ra các mệnh lệnh, quyết định các vấn đề về quản lý, chỉ đạo điều hành các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo đạt yêu cầu đề ra, không có biểu hiện thoái thác nhiệm vụ, đã tham mưu đề xuất triển khai nhiệm vụ của Giám đốc giao đạt hiệu quả tốt. Trong năm qua các cán bộ quản lý cấp phân xưởng, phòng ban đã được HĐQT Công ty đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ được giao, đều đã được bổ nhiệm lại khi hết nhiệm kỳ.

**3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị**

Trên cơ sở dự thảo kế hoạch SXKD năm 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã họp bàn thống nhất phương hướng, nhiệm vụ của HĐQT năm 2020 như sau:

**3.1. Mục tiêu:**

- Mục tiêu tổng quát: AN TOÀN - ĐỔI MỚI - PHÁT TRIỂN
- Mục tiêu điều hành: Tạo việc làm ổn định để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu; không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ; tiếp tục hoàn thiện hoàn thiện tổ chức, cơ chế quản lý, tinh gọn bộ máy để tăng năng suất, chất lượng, giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm; đảm bảo tăng trưởng hợp lý, hiệu quả, bền vững; cải thiện tiền lương, điều kiện làm việc và phúc lợi cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ lao động cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề.

**3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

- Doanh thu: 1.389 tỷ đồng, trong đó doanh thu cơ khí: 1.360,7 tỷ đồng;
- Giá trị sản xuất: 466 tỷ đồng;
- Tổng chi phí sản xuất: 1.378,7 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 10,3 tỷ đồng;

- Lao động bình quân theo định mức: 870 người;
- Tiền lương bình quân: 8,307 triệu đồng/người/tháng;
- Cổ tức: 10%;
- Giá trị các dự án đầu tư: 26,723 tỷ đồng.

### **3.3. Các giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 2020**

**3.3.1. Nhóm giải pháp về tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực, mà trọng tâm là nâng cao chất lượng lao động công nghệ và đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt**

- Công tác tuyển dụng: Có các chính sách, biện pháp thu hút, tuyển dụng đủ số lượng, đảm bảo chất lượng lao động, trong đó ưu tiên nhóm thợ cơ khí và sửa chữa thiết bị.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công nhân, người lao động trong Công ty. Triển khai thực hiện các nội dung trong Quy chế quản lý cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2816/QĐ-VMC ngày 08/10/2019 của Hội đồng quản trị và Quy định tổ chức đánh giá năng lực cán bộ được ban hành theo Quyết định số 2876/QĐ-VMC ngày 11/10/2019 của Giám đốc Công ty. Chủ động linh hoạt trong công tác đào tạo, kèm cặp nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên và tay nghề cho CBCN; kèm cặp nghề 2 đối với những ngành nghề khó tuyển dụng và đảm bảo cân đối giữa các ngành nghề để bố trí công việc.

- Công tác bố trí, sử dụng lao động: Chủ động nghiên cứu, cải tiến quy trình sản xuất, tổ chức sản xuất và điều phối nhân lực hợp lý, làm tốt công tác chuẩn bị sản xuất để tăng thời gian làm việc hữu ích trong ca của người lao động; Thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng vi phạm hoặc không đảm bảo chất lượng công tác, đồng thời khuyến khích, động viên, có chính sách phù hợp đối với người lao động tích cực học tập, nâng cao trình độ và thực hiện tốt nhiệm vụ. Bố trí sử dụng lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ theo định biên tại từng giai đoạn một cách linh hoạt kết hợp với việc từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế, tiếp tục cơ cấu lại lao động theo kế hoạch trong lộ trình 2020 – 2025.

### **3.3.2. Nhóm giải pháp về kỹ thuật – công nghệ - thiết bị:**

- Đẩy mạnh Cơ giới hóa – Tự động hóa – Tin học hóa, từng bước đầu tư hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, nâng cao trình độ tự động hóa và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tất cả các hoạt động SX, kinh doanh.

- Công tác công nghệ sản xuất: Ban hành đầy đủ QTCN, Biện pháp thi công, chuẩn bị đồ gá, dao cụ,... đáp ứng sản xuất; Bám sát, làm chủ công tác sửa chữa thiết bị mỏ, nhất là quá trình lập Biên bản giám định kỹ thuật bước 2 và dự toán sửa chữa;

- Công tác nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm mới: Tăng cường việc áp dụng các phần mềm trong tính toán, thiết kế; Phát triển, mở rộng công năng, phát triển các sản phẩm mới trên nền các sản phẩm truyền thống của Công ty (máy đào lò, máy xúc lật hông,...); Nghiên cứu sản xuất các sản phẩm mới, đặc biệt trong lĩnh vực khai thác hầm lò;



- Đối với hệ thống cán thép: Tiếp tục thực hiện hệ thống các biện pháp tổng hợp nâng cao hiệu quả sản xuất dây chuyền cán thép nhằm ổn định sản xuất và khai thác tối đa năng lực dây chuyền cán thép đáp ứng nhu cầu về số lượng, chủng loại thép chống lò của thị trường; nghiên cứu để phát triển sản xuất các loại thép hình, thép ray trên nền dây chuyền cán thép vì lò. Triển khai đồng bộ thực hiện các nội dung trong “Giải pháp nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm đúc” đã được ban hành.

- Công tác quản lý chất lượng: Kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất và chất lượng sản phẩm xuất xưởng. Bổ sung đầy đủ các thiết bị phân tích, đo kiểm, thử nghiệm để kiểm soát chất lượng từ các yếu tố đầu vào và trong quá trình công nghệ sản xuất đến thành phẩm. Áp dụng toàn diện các nội dung của hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2015,...vv trong quản lý chất lượng. Tăng cường xây dựng và đăng ký tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký bảo hộ độc quyền sản phẩm.

- Công tác đầu tư: Thực hiện tốt kế hoạch đầu tư xây dựng, sử dụng có hiệu quả thiết bị đã đầu tư.

- Công tác cơ điện và sửa chữa nội bộ: thực hiện đúng các chế độ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị; cải tạo hệ thống nhà xưởng; Dự phòng vật tư, phụ tùng thiết yếu cho các dây chuyền, thiết bị trọng tâm (dây chuyền cán thép,..). Điều hành thực hiện kế hoạch sửa chữa tài sản các cấp đảm bảo đồng đều giữa các quý trong năm.

- Công tác môi trường: Thực hiện nghiêm túc các qui định pháp luật BVMT, Kiên trì thực hiện quản lý văn minh, tự giác theo tiêu chí 5S; Tiếp tục triển khai quyết liệt các nội dung trong chương trình Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh đã ban hành. Quan tâm xử lý chất thải, khí thải, nước thải đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn về môi trường (đặc biệt nước thải sau mạ, khí thải và bụi tại PX Cán thép, PX Đúc,...vv).

### 3.3.3. Nhóm giải pháp phát triển thị trường:

Giữ vững, đồng thời nắm bắt cơ hội để phát triển mở rộng sản phẩm và thị trường trong TKV, đồng thời phát triển mạnh mẽ thị trường ngoài ngành.

- Đối với thị trường truyền thống trong TKV:

+ Các đơn vị khai thác lộ thiên, sàng tuyển, chế biến than: Duy trì việc chế tạo chế tạo phụ tùng, thiết bị, thực hiện tốt kế hoạch PHKD trong việc sửa chữa TĐT thiết bị cho các đơn vị ngành Than, đặc biệt là đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định;

+ Các mỏ khai thác than hầm lò: Đảm bảo cung cấp đầy đủ các chủng loại thép chống lò, vì chống lò; Giữ vững và tăng sản lượng, số lượng, chủng loại các sản phẩm thiết bị, phụ tùng phục vụ khai thác hầm lò.

- Thị trường khác trong và ngoài TKV:

+ Nghiên cứu tham gia sâu các dự án, công trình và cung cấp hàng hóa cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy luyện thép Cao Bằng, khu vực Lào Cai, khu vực Tây Nguyên. Đồng thời tăng cường hợp tác, liên kết, liên danh với các Viện khoa học để đấu thầu các dự án lớn của Tập đoàn, kể cả hình thức đấu thầu EPC, trong đó chú trọng tham gia các dự án đầu tư các nhà máy sàng tuyển, chế

biên, vận chuyên than; liên danh liên kết chế tạo thiết bị cho các nhà máy tuyển quặng khoáng sản như Bô - xít, sắt, than, đồng, ...vv.

+ Phát triển các thị trường ngoài TKV, đặc biệt trong các lĩnh vực sản xuất thép, điện, xi măng, chế biến khoáng sản, ...: Giữ vững ổn định các thị trường hiện có, các sản phẩm mà trước đây Công ty đã từng sản xuất, đồng thời tăng cường công tác tiếp thị mở rộng thị trường.

- Tăng cường hợp tác trong nước, quốc tế để phát triển sản phẩm, thị trường

*3.3.4. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả các mặt quản lý – điều hành, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm để không ngừng nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường.*

- Thực hiện tốt cơ chế chỉ đạo, phối hợp giữa tổ chức Đảng ủy, HĐQT, Ban điều hành, Công đoàn Công ty nhằm phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị vì mục tiêu chung;

- Tiếp tục siết chặt, nâng cao chất lượng, hiệu quả các mặt quản lý; Có biện pháp kiểm soát, đánh giá, nâng cao chất lượng công tác các phòng chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu, cập nhật, xây dựng, ban hành các quy chế, quy định làm công cụ hữu hiệu trong các mặt quản lý;

- Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ.

*3.3.5. Nhóm giải pháp chăm lo đời sống vật chất, tinh thần đối người lao động*

- Chủ động nắm bắt kịp thời các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, của Tập đoàn để xây dựng, sửa đổi bổ sung hoàn thiện các Quy chế, quy định về tiền lương, tiền thưởng, các chế độ, chính sách đối với người lao động trong Công ty.

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau, phấn đấu vì mục tiêu chung. Thực hiện các hình thức khen thưởng về vật chất và tinh thần; tạo môi trường làm việc an toàn, văn minh, xây dựng tác phong làm việc công nghiệp, hiện đại.

- Phát động các phong trào thi đua, nâng cao đời sống tinh thần cho CBCNV; Đa dạng hóa các hình thức biểu dương khen thưởng để động viên, khuyến khích người lao động, thúc đẩy các mặt của sản xuất kinh doanh.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### 1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị :

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Tứ	Chủ tịch HĐQT			
2	Phạm Minh Tuấn	Thành viên HĐQT, GD Công ty	1.312	0,028	
3	Bùi Xuân Hạnh	Thành viên	14.107	0,30	
4	Lê Việt Sự	Thành viên	12.755	0,27	
5	Nguyễn Anh Chung	Thành viên			

#### 1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị



Hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Chế tạo máy - VINACOMIN trong năm 2019 đã tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Công ty khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình; Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành kịp thời đã giúp cho việc quản lý, chỉ đạo điều hành sản xuất kinh doanh tháo gỡ các khó khăn đặc biệt trong kinh doanh và Đầu tư xây dựng của Công ty mặc dù còn gặp khó khăn về việc làm của một số bộ phận nhưng đã thực hiện được mục tiêu giữ vững sản xuất, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông.

Các chủ trương đầu tư mở rộng sản xuất, đầu tư đổi mới trang thiết bị, cải tạo nhà xưởng, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống đều đúng hướng, đúng mục tiêu đã làm thay đổi bộ mặt, hình ảnh của Công ty.

*Hạn chế, tồn tại:* Mặc dù đạt được rất nhiều thành tích trong công tác thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, duy trì và bảo toàn đội ngũ, ổn định đời sống công nhân lao động; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông đề ra, duy trì bảo toàn và phát triển vốn cho các cổ đông, tuy nhiên về công tác quản trị Công ty còn có hạn chế về thu đòi công nợ. Các hạn chế tồn tại này cần phải được khắc phục trong thời gian sớm nhất.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Hoàng Mạnh Hùng	Trưởng ban			
2	Chu Thị Việt Trung	Ủy viên	874	0,019	
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	Ủy viên	874	0,019	

### 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Nội dung hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; xem xét đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc liên quan đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2019 của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; xem xét tính phù hợp các Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong công tác quản lý; kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên; kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc và bộ máy điều hành Công ty; kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chế tạo máy – VINACOMIN có 03 thành viên, trong đó Trưởng ban hoạt động chuyên trách từ tháng 4/2016. Các thành viên hoạt động theo sự phân công của Trưởng ban.

Trong năm 2019, Ban kiểm soát luôn duy trì tốt hoạt động giám sát thường xuyên liên tục quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng tháng các thành viên Ban kiểm soát chủ động thực hiện chức năng nhiệm vụ do Trưởng ban phân công, cuối tháng các thành viên tập hợp ý kiến báo cáo Trưởng ban.

Định kỳ hàng quý Ban kiểm soát họp thông qua các báo cáo giám sát của các thành viên Ban kiểm soát như báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và quý, báo cáo các mặt quản lý của Công ty như lao động, tiền lương, chi phí, giá thành, tồn kho..vv, báo cáo tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết được ban hành, báo cáo hoạt động của Ban điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Định kỳ sáu tháng và kết thúc năm báo cáo, Ban kiểm soát thực hiện lịch thông báo kế hoạch kiểm tra kiểm soát tổng thể các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra tuân thủ, hợp lệ hệ thống chứng từ chi phí hạch toán kế toán. Thẩm định các báo cáo tài chính 6 tháng và cả năm, báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh và các báo cáo khác như đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý lao động tiền lương, quản lý máy móc thiết bị, quản lý vật tư ..vv.

Trong năm 2019 Ban Kiểm soát tổ chức 04 cuộc họp để triển khai công việc của Ban vào đầu mỗi quý, cụ thể:

- Quý 1/2019: Họp triển khai công tác kiểm soát báo cáo tài chính quý 4/2018 và chuẩn bị cho việc lập báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng các cán bộ quản lý khác trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019. Xây dựng kế hoạch kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát trong năm 2019 để trình Hội đồng quản trị thông qua.

- Quý 2/2019: Họp triển khai các hoạt động kiểm soát quý 1/2019 theo kế hoạch do Ban Kiểm soát lập. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất quý 1/2019 do Phòng Kế toán - Tài chính Công ty lập.

- Quý 3/2019: Họp triển khai kế hoạch kiểm soát 6 tháng đầu năm về kết quả sản xuất kinh doanh tại Chi nhánh Công ty. Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Kiểm soát để kiểm soát các hoạt động trong quý 3/2019. Triển khai hoạt động kiểm soát kết quả sản xuất kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm tại Công ty, thẩm định số liệu báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng.

- Quý 4/2019: Họp triển khai các nội dung, chương trình kiểm soát quý 3 do Ban kiểm soát lập. Thẩm định số liệu trên báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính quý 3 và 9 tháng đầu năm 2018.

Kết quả các cuộc họp: Ban kiểm soát có báo cáo đánh giá các nội dung kiểm soát gửi Hội đồng Quản trị Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

3.1. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát không chuyên trách:

- Chủ tịch HĐQT: 5.140.000 đồng/người/tháng.

- Thành viên HĐQT (05 người): 4.940.000 đồng/người/tháng

- Thành viên BKS, Thư ký Công ty (03 người): 4.380.000 đồng/người/tháng

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không



## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán (Theo tài liệu đính kèm)./. *10/10*

### *Nơi nhận*

- UBCKNN, SGDCKHN (b/c);
- Website: [www.chetaomay.com.vn](http://www.chetaomay.com.vn);
- HĐQT (e-copy);
- BKS, BGD, KTTC (e-copy);
- Lưu VT, TKý Công ty.

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**GIAM ĐỐC**

*Phạm Minh Tuấn*